

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bì Long Sơn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Bì Long Sơn	Chủ tịch (Bãi nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Đặng Thành Long	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Phan Cao Minh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Võ Thành Tín	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Phạm Trần Hòa Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Hương Quảng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Nguyễn Trọng Đô	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Bà Bùi Thúy Minh	Thành viên
Ông Cao Tấn Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Phạm Trường Anh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)
Bà Nguyễn Huyền Trâm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bì Long Sơn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 07/09/2017)
Ông Phan Cao Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/09/2017)
Ông Phan Cao Minh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Trần Ngọc Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Đoàn Quang Nho	Phó Tổng Giám đốc (Thôi việc ngày 01/09/2017)
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/10/2017)
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Thôi việc ngày 15/09/2017)
Ông Đào Nguyễn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2017)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 11.860.276.091 VND và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm với số tiền là 1.746.545.352 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2017 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Ngọc Minh**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Số: 18.130/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã nêu tại mục 11 của Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản truy thu tiền thuế đất từ ngày 01/01/2006 đến 31/12/2016 tại Khu Công Nghiệp Biên Hòa theo Thông báo của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi) ngày 27/09/2017 với số tiền là 2.026.058.458 VND chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017. Nếu khoản chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2017 thì chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 sẽ âm là 1.977.046.829 VND.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 11.860.276.091 VND và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2017 bị âm với số tiền là 1.746.545.352 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Xuân Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0067-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1875-2018-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.527.631.848</b>	<b>101.914.498.552</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(4.1)	<b>1.506.330.585</b>	<b>7.236.501.140</b>
1. Tiền	111		1.506.330.585	7.236.501.140
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.050.231.317</b>	<b>78.848.065.114</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	23.539.169.200	34.460.809.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(4.4)	28.190.071.014	18.402.686.915
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.5)	24.389.276.202	26.038.222.819
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.068.285.099)	(53.654.051)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.721.820.080</b>	<b>12.508.014.643</b>
1. Hàng tồn kho	141	(4.6)	1.721.820.080	12.508.014.643
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.249.249.866</b>	<b>3.321.917.655</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.142.500	417.264.312
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.111.736.711	2.893.876.586
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.12)	95.370.655	10.776.757
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.199.055.878</b>	<b>66.540.435.128</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.174.293.542</b>	<b>1.884.972.744</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.5)	2.174.293.542	1.884.972.744
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.135.495.982</b>	<b>17.542.192.020</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	11.702.140.945	14.946.613.315
Nguyên giá	222		29.645.239.610	29.827.812.984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.943.098.665)	(14.881.199.669)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	2.433.355.037	2.595.578.705
Nguyên giá	228		3.082.249.709	3.082.249.709
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(648.894.672)	(486.671.004)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>56.579.153.314</b>	<b>46.068.270.364</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(4.7)	56.579.153.314	46.068.270.364
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(4.2)	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>310.113.040</b>	<b>45.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		310.113.040	45.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>152.726.687.726</b>	<b>168.454.933.680</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.202.907.939</b>	<b>132.942.120.264</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>90.387.907.939</b>	<b>95.588.570.264</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.10)	21.043.314.552	35.185.149.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(4.11)	6.455.265.135	6.896.650.884
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.12)	3.641.194.905	3.708.828.569
4. Phải trả người lao động	314		423.647.382	308.348.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.652.803.928	1.589.303.984
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	97.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.13)	5.267.245.940	2.965.332.378
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.14)	51.904.436.097	44.837.456.155
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.815.000.000</b>	<b>37.353.550.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.13)	4.190.000.000	3.690.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.14)	23.625.000.000	33.663.550.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.523.779.787</b>	<b>35.512.813.416</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(4.15)	<b>34.523.779.787</b>	<b>35.512.813.416</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.282.835.714	21.270.325.633
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.569.055.927)	(10.567.512.217)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(11.597.442.460)	(3.631.748.193)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.386.533	(6.935.764.024)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>152.726.687.726</b>	<b>168.454.933.680</b>



**Trần Ngọc Minh**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(5.1)	44.243.439.140	97.203.494.807
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.243.439.140	97.203.494.807
3. Giá vốn hàng bán	11	(5.2)	36.437.985.665	97.203.818.458
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.805.453.475	(323.651)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.3)	678.409.518	2.016.196.138
6. Chi phí tài chính	22	(5.4)	4.216.876.845	6.816.579.269
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		4.216.876.845	6.816.579.269
7. Chi phí bán hàng	25		91.969.551	135.697.309
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.5)	6.143.904.437	5.109.973.037
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.968.887.840)	(10.046.377.128)
10. Thu nhập khác	31	(5.6)	2.565.882.286	3.586.600.642
11. Chi phí khác	32		547.982.817	421.619.392
12. Lợi nhuận khác	40		2.017.899.469	3.164.981.250
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.011.629	(6.881.395.878)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		20.625.096	54.368.146
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.386.533	(6.935.764.024)
16. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	(4.15.4)	11	(2.806)



**Trần Ngọc Minh**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.011.629	(6.881.395.878)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(5.7)	3.138.215.121	3.917.820.683
Các khoản dự phòng	03	(5.7)	1.115.413.488	53.654.051
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.156.282.947)	(4.961.831.954)
Chi phí lãi vay	06		4.216.876.845	6.816.579.269
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>7.363.234.136</b>	<b>(1.055.173.829)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.191.427.928	162.105.507.881
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.786.194.563	15.485.744.209
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(19.087.233.263)	(119.591.831.490)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		110.008.772	(333.951.585)
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.080.177.488)	(6.816.579.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.12)	(30.000.000)	(315.767.633)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.746.545.352)</b>	<b>49.477.948.284</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.120.802.092)	(9.888.369.720)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.000.000.000	2.945.635.816
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		156.282.947	2.016.196.138
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(964.519.145)</b>	<b>(4.426.537.766)</b>

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(6.1)	42.298.473.993	99.927.504.558
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.2)	(45.270.044.051)	(149.632.122.391)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.536.000)	(206.347.055)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.019.106.058)</b>	<b>(49.910.964.888)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(5.730.170.555)</b>	<b>(4.859.554.370)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.236.501.140	12.096.055.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	(4.1)	<b>1.506.330.585</b>	<b>7.236.501.140</b>



Trần Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Hoàng Dương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Dương  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.810.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	2.481.000.000	10	15.810.000.000	64
Ông Phan Quốc Anh	Việt Nam	1.000.000.000	4	1.000.000.000	4
Các cổ đông khác	Việt Nam	21.329.000.000	86	8.000.000.000	32
<b>Cộng</b>		<b>24.810.000.000</b>	<b>100</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 60 (31/12/2016: 95).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại và dịch vụ xây lắp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa;
- Khai thác, thu gom than bùn;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Nạo vét kênh, rạch;
- Thu gom rác thải độc hại, không độc hại;
- Xử lý, tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp khai thác cát Đắc Lua	Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp bê tông nhựa nóng	Thôn 8, Xã Nhân Cơ, Huyện ĐắkRláp, Tỉnh Đắknông
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Số 1	Thôn 1, Xã Quảng Ngãi, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 2	Thôn 5, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đẳng, Tỉnh Bình Phước

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2.5. Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 11.860.276.091 VND và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm với số tiền là 1.746.545.352 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2017 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.3. Đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**3.4. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 04 – 31 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 02 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 02 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 05 năm      |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.7. Thuê tài sản**

*Phân loại thuê tài sản*

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí đi vay**

*Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Điều 48 Bộ luật lao động 2012, đối với người lao động đã có thời gian làm việc thường xuyên cho Công ty từ đủ 12 tháng trở lên ("người lao động thỏa điều kiện") khi chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương bình quân của người lao động đó được tính theo quy định.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho những người lao động thỏa điều kiện cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán được lập dựa trên số năm làm việc của người lao động là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong sáu tháng liền kề tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc này sẽ được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động 2012.

**3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

### **3.16. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.18. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.20. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.23. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	662.290.115	1.460.017.516
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	844.040.470	5.776.483.624
<b>Cộng</b>	<b>1.506.330.585</b>	<b>7.236.501.140</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.000.000.000	1.520.000.000	1.000.000.000	2.030.000.000

Dự phòng

-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi trên cơ sở giá niêm yết trên thị trường upcom và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(Xem trang tiếp theo)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017 VND</b>
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty CP BOT VÀ BT Đức Long Đắc Nông	3.817.956.751	-
Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	4.172.433.633	4.565.265.781
Công ty CP Thanh Hưng	-	4.018.846.900
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	327.709.435	13.631.339.252
Ban Quản lý Dự án Huyện Vĩnh Cửu	4.431.821.000	500.512.000
Các khách hàng khác	10.789.248.381	11.744.845.498
<b>Cộng</b>	<b><u>23.539.169.200</u></b>	<b><u>34.460.809.431</u></b>

Khoản phải thu khách hàng với số tiền là 8.176.144.167 VND được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/12/2017 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017 VND</b>
Ông Nguyễn Văn Huy	3.731.754.853	2.400.591.598
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	5.526.218.090	5.912.235.349
Ông Nguyễn Quốc Toàn	4.014.061.949	3.981.415.259
Ông Hà Châu Tuấn	2.921.554.088	2.951.527.808
Ông Võ Công Vinh	6.321.524.181	760.323.552
Các nhà cung cấp khác	5.674.957.853	2.396.593.349
<b>Cộng</b>	<b><u>28.190.071.014</u></b>	<b><u>18.402.686.915</u></b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ứng tiền đến bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa	23.304.586.000	-	23.304.586.000	-
Phải thu góp vốn dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	-	-	1.341.440.266	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	21.099.000	-
Tạm ứng	1.033.008.493	-	845.160.754	-
Các khoản phải thu khác	51.681.709	-	525.936.799	-
<b>Cộng</b>	<b>24.389.276.202</b>	<b>-</b>	<b>26.038.222.819</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.174.293.542	-	1.884.972.744	-

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.600.532	-	82.600.532	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.532.746.663	-	11.755.766.266	-
Thành phẩm	106.472.885	-	669.647.845	-
<b>Cộng</b>	<b>1.721.820.080</b>	<b>-</b>	<b>12.508.014.643</b>	<b>-</b>

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Dự án mỏ đá Tân Cang 4	54.014.559.098	43.893.275.366
Dự án Khu đất văn phòng Công ty	1.845.357.298	1.662.739.116
Dự án mỏ cát Long An	5.374.546	5.374.546
Lô đất xã Phước Tân	491.320.000	491.320.000
Khu đất hạ 3 – Huyện Xuân Lộc	-	15.561.336
Móng trạm trộn BTNN tại Tân Cang	222.542.372	-
<b>Cộng</b>	<b>56.579.153.314</b>	<b>46.068.270.364</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	2.774.810.157	15.725.219.148	11.243.869.854	83.913.825	29.827.812.984
Thanh lý, nhượng bán	(72.187.000)	(110.386.374)	-	-	(182.573.374)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.702.623.157</b>	<b>15.614.832.774</b>	<b>11.243.869.854</b>	<b>83.913.825</b>	<b>29.645.239.610</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	1.862.607.178	6.368.801.739	6.565.876.926	83.913.825	14.881.199.668
Khấu hao trong năm	299.377.308	1.913.293.280	1.031.801.782	-	3.244.472.370
Thanh lý, nhượng bán	(72.187.000)	(110.386.374)	-	-	(182.573.374)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.089.797.487</b>	<b>8.171.708.645</b>	<b>7.597.678.708</b>	<b>83.913.825</b>	<b>17.943.098.665</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	912.202.979	9.356.417.409	4.677.992.928	-	14.946.613.315
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>612.825.670</b>	<b>7.443.124.129</b>	<b>3.646.191.146</b>	<b>-</b>	<b>11.702.140.945</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 10.242.911.385 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.744.689.292 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền khai thác Mô Cát Đắc Lua ở Xí Nghiệp Cát, tài sản đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.14.

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Phát triển Cường Thuận IDICO	-	-	11.180.313.714	11.180.313.714
Công ty TNHH Trường Toàn	1.393.729.344	1.393.729.344	921.243.491	921.243.491
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	4.817.828.213	4.817.828.213	5.087.497.389	5.087.497.389
Phải trả cho các đối tượng khác	14.669.499.312	14.669.499.312	18.917.338.301	18.917.338.301
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	162.257.683	162.257.683	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.043.314.552</b>	<b>21.043.314.552</b>	<b>35.185.149.404</b>	<b>35.185.149.404</b>

**4.11. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Chúc Phương	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - TNNN MTV	-	707.146.025
Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán	1.363.742.000	425.628.002
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đak Nông	-	1.741.590.000
Các khách hàng khác	211.418.751	22.286.857
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 8	880.104.384	-
<b>Cộng</b>	<b>6.455.265.135</b>	<b>6.896.650.884</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND					
Thuế giá trị gia tăng	15.760.000	-	84.616.706	121.779.218	-	21.402.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.151.661	-	20.625.096	30.000.000	10.776.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.282.393	58.252.043	54.599.384	-	2.629.734
Thuế tài nguyên	-	-	90.000.000	432.419.500	-	342.419.500
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	3.634.912.512	821.979.090	31.038.820	-	2.843.972.242
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	59.458.994	-	(310.695.695)	247.167.880	-	498.404.581
<b>Cộng</b>	<b>95.370.655</b>	<b>3.641.194.905</b>	<b>770.777.240</b>	<b>923.004.802</b>	<b>10.776.757</b>	<b>3.708.828.569</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	63.220.960	80.872.820
Bảo hiểm xã hội	877.970.547	3.725.092
Bảo hiểm y tế	47.503.575	552.420
Bảo hiểm thất nghiệp	20.520.600	245.520
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
Phải trả tiền cổ tức	1.631.973.170	537.952.945
Phải trả trợ cấp thôi việc	1.114.135.499	1.007.102.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.511.921.589	1.284.881.081
<b>Cộng</b>	<b>5.267.245.940</b>	<b>2.965.332.378</b>
Trong đó cổ tức phải trả cho bên có liên quan – Xem thêm mục 8	1.106.700.000	474.300.000
Dài hạn:		
Công ty CP Đầu tư Tư vấn Đông Nam Bộ	2.130.000.000	2.130.000.000
Kí quỹ, kí cược dài hạn	2.060.000.000	1.560.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.190.000.000</b>	<b>3.690.000.000</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	40.995.886.097	40.995.886.097	41.928.473.993	42.200.044.051	41.267.456.155	41.267.456.155
Vay khác	870.000.000	870.000.000	1.020.000.000	150.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.038.550.000	10.038.550.000	10.038.550.000	3.570.000.000	3.570.000.000	3.570.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.904.436.097</b>	<b>51.904.436.097</b>	<b>52.987.023.993</b>	<b>45.920.044.051</b>	<b>44.837.456.155</b>	<b>44.837.456.155</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	23.625.000.000	23.625.000.000	-	10.038.550.000	33.663.550.000	33.663.550.000
<b>Cộng</b>	<b>23.625.000.000</b>	<b>23.625.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.038.550.000</b>	<b>33.663.550.000</b>	<b>33.663.550.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.529.436.097</b>	<b>75.529.436.097</b>	<b>52.987.023.993</b>	<b>55.958.594.051</b>	<b>78.501.006.155</b>	<b>78.501.006.155</b>

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm và được bảo đảm bằng các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán, quyền đòi nợ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông, toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 04/2014/HBXD-CTAG ngày 14 tháng 08 năm 2014 và các phụ lục kèm theo (nếu có) được ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang. Xem thêm mục 4.3 và 4.8.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 04 đến 05 năm với lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 33.663.550.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.038.550.000 VND. Các khoản vay được bảo đảm bằng Quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 71/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 4 kèm Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 17/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Điều chỉnh Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho phép khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 4 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L950179 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 04 năm 2001, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng và bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay là Trạm bê tông nhựa nóng – Xem thêm mục 4.3, 4.8 và 4.9.

*(Xem tiếp trang sau)*



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2016	24.810.000.000	21.219.659.412	(3.035.091.954)	42.994.567.458
Lãi trong năm trước	-	-	(6.935.764.024)	(6.935.764.024)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	50.666.221	(50.666.221)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	(101.332.442)	(101.332.442)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(744.300.000)	(744.300.000)
Tăng do thanh lý dự án KCN Thạnh Phú	-	-	299.642.424	299.642.424
Tại ngày 01/01/2017	24.810.000.000	21.270.325.633	(10.567.512.217)	35.512.813.416
Lợi nhuận năm nay	-	-	28.386.533	28.386.533
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	(25.020.162)	(25.020.162)
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2016	-	12.510.081	(12.510.081)	-
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(992.400.000)	(992.400.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>21.282.835.714</b>	<b>(11.569.055.927)</b>	<b>34.523.779.787</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	2.481.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	21.329.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.810.000.000</b>	<b>24.810.000.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	2.481.000	2.481.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	28.386.533	(6.935.764.024)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(25.020.162)
Lãi / (Lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	28.386.533	(6.960.784.186)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.481.000	2.481.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>11</b>	<b>(2.806)</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu xây lắp	42.013.380.776	95.826.916.028
Doanh thu bán thảm bê tông nhựa	-	150.085.127
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	747.082.000	1.093.468.900
Doanh thu hoạt động cho thuê	1.482.976.364	133.024.752
<b>Cộng</b>	<b>44.243.439.140</b>	<b>97.203.494.807</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

1.525.060.909



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn xây lắp	35.989.767.897	94.098.033.825
Giá vốn bán, thăm BTN	-	568.991.287
Giá vốn bán vật liệu xây dựng và giá vốn khác	321.256.772	2.423.389.267
Giá vốn hoạt động cho thuê	126.960.996	113.404.079
<b>Cộng</b>	<b>36.437.985.665</b>	<b>97.203.818.458</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	138.409.518	1.476.196.138
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	150.000.000
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	390.000.000	390.000.000
<b>Cộng</b>	<b>678.409.518</b>	<b>2.016.196.138</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay trong năm.

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.799.820.005	2.696.522.834
Chi phí vật liệu quản lý	102.623.545	195.677.326
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.386.211	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.059.874.552	208.407.351
Thuế, phí và lệ phí	347.602.182	113.267.972
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.115.413.488	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.606.722	308.188.709
Chi phí bằng tiền khác	331.577.732	1.587.908.845
<b>Cộng</b>	<b>6.143.904.437</b>	<b>5.109.973.037</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	879.942.508	2.945.635.816
Thu nhập từ cung cấp điện	613.520.957	378.521.303
Doanh thu cho thuê tài sản	1.004.690.864	-
Thu nhập khác	67.727.957	262.443.523
<b>Cộng</b>	<b>2.565.882.286</b>	<b>3.586.600.642</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.557.544.314	55.419.939.668
Chi phí nhân công	5.877.451.338	14.617.213.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.138.215.121	3.917.820.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.162.372.673	10.962.391.117
Chi phí dự phòng	1.115.413.488	-
Chi phí khác bằng tiền	1.036.668.156	4.223.921.479
<b>Cộng</b>	<b>31.887.665.090</b>	<b>89.141.286.440</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	42.298.473.993	99.927.504.558

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(45.270.044.051)	(149.632.122.391)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ xây lắp. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp
2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

- Cổ đồng  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.10:		
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	162.257.683	-
	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Người mua trả tiền trước – Xem thêm mục 4.11:		
Tổng công ty Phát triển Khu Công nghiệp	880.104.384	-
	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Cổ tức phải trả cho cổ đông – Xem thêm mục 4.13:		
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	1.106.700.000	474.300.000
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Bán hàng – Xem thêm mục 5.1:		
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	1.525.060.909	-
	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Mua hàng:		
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	162.257.683	-

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2016</b> <b>VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	164.700.000	111.600.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	747.957.000	806.399.500
<b>Cộng</b>	<b>912.657.000</b>	<b>917.999.500</b>

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 – 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2016</b> <b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	323.686.720	795.085.400

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2017</b> <b>VND</b>
Từ 1 năm trở xuống	404.738.472	1.097.314.100
Trên 1 năm đến 5 năm	1.650.800.949	4.661.387.169
Trên 5 năm	7.853.297.845	22.098.605.710
<b>Cộng</b>	<b>9.908.837.267</b>	<b>27.857.306.979</b>

(Xem tiếp trang sau)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2017		Tại ngày 01/01/2016	
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	12.508.014.643	21.587.851.901	27.993.758.852	30.894.732.972
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.708.828.569	1.899.392.127	2.547.794.586	738.358.144
Phải trả ngắn hạn khác	2.965.332.378	1.958.229.878	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(10.567.512.217)	1.328.863.983	(3.035.091.954)	1.675.318.608
<u>Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):</u>				
	<b>Năm 2016</b>		<b>Năm 2016</b>	
	VND		VND	
	(Được báo cáo lại)		(Đã được báo cáo trước đây)	
Giá vốn hàng bán	97.203.818.458		91.024.955.320	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.109.973.037		4.102.870.537	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.935.764.024)		250.201.614	
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(2.806)		91	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài,  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	<b>Năm 2016 VND</b> (Được báo cáo lại)	<b>Năm 2016 VND</b> (Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	(6.881.395.878)	304.569.760
Tăng, giảm hàng tồn kho	15.485.744.209	9.306.881.071
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(119.591.831.490)	(120.598.933.990)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là để ghi nhận bổ sung các chi phí đã bị bỏ sót trong các năm trước có liên quan đến:

- Giá vốn công trình cầu Hóa An
- Giá vốn Đường Đak Nông Gói 6
- Giá vốn Đường Đak Nông Gói 10
- Giá vốn hoạt động cho thuê xe tại các công trình
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc
- Chi phí thuế đất do thay đổi đơn giá thuê

**11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**

Ngày 27 tháng 09 năm 2017, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai nhận thông báo từ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp (Tổng Công ty Sonadezi) về việc truy thu tiền thuê đất từ ngày 01/01/2006 đến 31/12/2016 tại Khu Công Nghiệp Biên Hòa với số tiền truy thu là 2.026.058.458 VND. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Công trình Giao Thông Đồng Nai không đồng ý với khoản tiền truy thu nêu trên và hiện đang làm việc lại với Tổng Công ty Sonadezi. Tổng Công ty Sonadezi ghi nhận và báo cáo với cơ quan nhà nước về ý kiến của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai. Do đó báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa ghi nhận khoản truy thu tiền thuê đất nêu trên.

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Trần Ngọc Minh**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hoàng Dương**  
Người lập